

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A1

STT	Mã số	Họ và Tên	Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A01.01	Đỗ Thị Ngọc	Anh	292	
2	10A01.02	Mai Thị Phương	Anh	298	
3	10A01.03	Phạm Lê Thúy	Anh	636	
4	10A01.04	Tôn Tiểu	Anh	604	
5	10A01.05	Phạm Nhật Khánh	Bình	54	
6	10A01.06	Trần Bá	Duy	334	
7	10A01.07	Nguyễn Võ Quỳnh	Giang	81	
8	10A01.08	Trần Hoàng	Giang	336	
9	10A01.09	Đinh Thị Ngân	Hà	642	
10	10A01.10	Trần Thanh	Hải	341	
11	10A01.11	Nguyễn Như Gia	Hân	86	
12	10A01.12	Phạm Thúy	Hiền	345	
13	10A01.13	Phạm Nguyễn Khánh	Hưng	644	
14	10A01.14	Hoàng Quỳnh	Hương	508	
15	10A01.15	Trần Quốc	Huy	645	
16	10A01.16	Phạm Thị Khánh	Huyền	117	
17	10A01.17	Nguyễn Hoàng	Lâm	130	
18	10A01.18	Đào Khánh	Linh	375	
19	10A01.19	Trần Khánh	Linh	382	
20	10A01.20	Trần Phương	Loan	145	
21	10A01.21	Hồ Ngọc	Long	146	
22	10A01.22	Vũ Nguyễn Hải	Long	544	
23	10A01.23	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	388	
24	10A01.24	Nguyễn Lê Tuệ	Minh	157	
25	10A01.25	Đỗ Thị Mỹ	Ngà	175	
26	10A01.26	Bùi Thị Phương	Ngân	653	
27	10A01.27	Nguyễn Lê Kiều	Ngân	409	
28	10A01.28	Trương Mai Bảo	Nghi	656	
29	10A01.29	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	414	
30	10A01.30	Phạm Lương Bảo	Ngọc	190	
31	10A01.31	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	415	
32	10A01.32	Nguyễn Phan Quỳnh	Nhi	418	
33	10A01.33	Phan Kim	Phụng	213	
34	10A01.34	Nguyễn Thị Lan	Phương	216	
35	10A01.35	Nguyễn Thân Xuân	Quỳnh	527	
36	10A01.36	Hà Minh	Thanh	529	
37	10A01.37	Hà Nguyễn Phương	Thảo	449	
38	10A01.38	Trần Thị Phương	Thảo	453	
39	10A01.39	Phan Nguyễn Thanh	Thúy	679	
40	10A01.40	Lê Xuân	Thủy	628	
41	10A01.41	Lê Trịnh Phương	Trâm	597	
42	10A01.42	Dương Thị Thu	Trang	472	
43	10A01.43	Hoàng Trần Thảo	Vy	274	
44	10A01.44	Nguyễn Kiều Phương	Vy	492	
45	10A01.45	Nguyễn Thị Thảo	Vy	600	
46	10A01.46	Phạm Thị Tường	Vy	493	
47	10A01.47	Bùi Ngọc Thùy	Xuân	494	
48	10A01.48	Phan Thị Hoàng	Yến	625	
49	10A01.49				
50	10A01.50				

48 Danh sách có: 48 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A2

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A02.01	Nguyễn Ngọc Tân	An	283
2	10A02.02	Bùi Kim	Anh	603
3	10A02.03	Đoàn Lê Duy	Anh	293
4	10A02.04	Nguyễn Duy	Anh	31
5	10A02.05	Nguyễn Phạm Phương	Anh	300
6	10A02.06	Nguyễn Phương	Anh	635
7	10A02.07	Phan Quỳnh	Anh	548
8	10A02.08	Trần Bùi Minh	Anh	308
9	10A02.09	Võ Thị Quỳnh	Anh	310
10	10A02.10	Võ Hoài	Bảo	49
11	10A02.11	Đặng Vũ Lâm	Châu	696
12	10A02.12	Nguyễn Hải	Cường	320
13	10A02.13	Trương Thùy	Dương	332
14	10A02.14	Cao Đoàn Hương	Giao	337
15	10A02.15	Nguyễn Quỳnh Khánh	Hân	344
16	10A02.16	Nguyễn Phúc	Hiếu	94
17	10A02.17	Phạm Minh	Hồng	99
18	10A02.18	Nguyễn Gia	Huy	354
19	10A02.19	Đặng Thị Thương	Huyền	116
20	10A02.20	Trần Thị Xuân	Huyền	358
21	10A02.21	Nguyễn Trần Bảo	Lâm	647
22	10A02.22	Đào Thị Thanh	Lan	133
23	10A02.23	Đinh Thị Thùy	Linh	138
24	10A02.24	Nguyễn Quang	Linh	143
25	10A02.25	Huỳnh Ngọc	Mai	389
26	10A02.26	Tiêu Nhã	My	401
27	10A02.27	Lê Thị Thy	Nga	171
28	10A02.28	Trương Nguyễn Tâm	Nghi	410
29	10A02.29	Nguyễn Bích	Ngọc	184
30	10A02.30	Phạm Khánh	Ngọc	189
31	10A02.31	Đặng Hoàng Yên	Nhi	659
32	10A02.32	Lê Thị Phương	Như	199
33	10A02.33	Lê Mai	Phương	588
34	10A02.34	Phạm Trần Bảo	Phương	524
35	10A02.35	Nguyễn Ngọc Đông	Quân	428
36	10A02.36	Lê Huy	Quốc	433
37	10A02.37	Trần Vũ Thúy	Quỳnh	227
38	10A02.38	Trần Thị Thanh	Tâm	591
39	10A02.39	Cao Hoàng Minh	Thảo	448
40	10A02.40	Hồ Ngọc Anh	Thơ	245
41	10A02.41	Trần Thị	Thùy	464
42	10A02.42	Nguyễn Thùy	Trâm	256
43	10A02.43	Lê Thị Thùy	Trang	473
44	10A02.44	Lý Minh	Tú	683
45	10A02.45	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	623
46	10A02.46	Mai Đặng Thụy	Vy	536
47	10A02.47	Phan Nguyễn Tường	Vy	601
48	10A02.48			
49	10A02.49			
50	10A02.50			

47 Danh sách có: 47 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A3

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A03.01	Bùi Hoàng Anh	289	
2	10A03.02	Bùi Vũ Phương Anh	21	
3	10A03.03	Hồ Hải Anh	294	
4	10A03.04	Nguyễn Minh Anh	562	
5	10A03.05	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	634	
6	10A03.06	Nguyễn Quỳnh Anh	301	
7	10A03.07	Tô Ngọc Anh	637	
8	10A03.08	Trần Nguyễn Mai Anh	42	
9	10A03.09	Tạ Thị Ngọc Ánh	2	
10	10A03.10	Nguyễn Lê Hòa Bình	53	
11	10A03.11	Phạm Quỳnh Chi	58	
12	10A03.12	Nguyễn Thị Quỳnh Đan	61	
13	10A03.13	Nguyễn Phạm Hà Giang	570	
14	10A03.14	Huỳnh Gia Hân	342	
15	10A03.15	Phan Gia Hi	91	
16	10A03.16	Nguyễn Trung Hiếu	549	
17	10A03.17	Châu Hoài Hương	542	
18	10A03.18	Quách Nhật Huy	113	
19	10A03.19	Trần Ngọc Huyền	357	
20	10A03.20	Trần Hoàng Gia Kỳ	577	
21	10A03.21	Phạm Hoàng Lâm	131	
22	10A03.22	Đặng Thị Ngọc Linh	135	
23	10A03.23	Đoàn Ngọc Linh	376	
24	10A03.24	Diệp Phi Long	386	
25	10A03.25	Nguyễn Thị Thanh Mai	391	
26	10A03.26	Tôn Nữ Trà My	402	
27	10A03.27	Cao Ngọc Kim Ngân	176	
28	10A03.28	Bùi Bảo Ngọc	411	
29	10A03.29	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	187	
30	10A03.30	Phan Thị Thanh Ngọc	657	
31	10A03.31	Ngô Uyên Nhi	662	
32	10A03.32	Mai Xuân Phúc	587	
33	10A03.33	Phạm Lan Phương	217	
34	10A03.34	Võ Thị Yên Phương	427	
35	10A03.35	Nguyễn Vũ Duy Quang	670	
36	10A03.36	Bùi Phương Quyên	554	
37	10A03.37	Nguyễn Thanh Tâm	234	
38	10A03.38	Đinh Trần Hồng Thắng	593	
39	10A03.39	Huỳnh Kim Tự Thiên	595	
40	10A03.40	Phạm Thị Ngân Thương	462	
41	10A03.41	Hoàng Bảo Trâm	255	
42	10A03.42	Võ Ngọc Bảo Trân	471	
43	10A03.43	Trần Thị Phương Trang	259	
44	10A03.44	Đỗ Mỹ Uyên	483	
45	10A03.45	Hoàng Ngọc Thúy Vy	273	
46	10A03.46	Nguyễn Tường Vy	278	
47	10A03.47			
48	10A03.48			
49	10A03.49			
50	10A03.50			

46 Danh sách có: 46 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A4

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A04.01	Trần Thị Kim An	559	
2	10A04.02	Cao Duy Anh	22	
3	10A04.03	Nguyễn Hồng Anh	695	
4	10A04.04	Phạm Nguyễn Khánh Anh	41	
5	10A04.05	Nguyễn Đăng Bảo	45	
6	10A04.06	Hoàng Lê Thanh Bình	500	
7	10A04.07	Trần Phương Dung	71	
8	10A04.08	Lê Đình Duy	78	
9	10A04.09	Nguyễn Hải Đăng	62	
10	10A04.10	Võ Quốc Đạt	67	
11	10A04.11	Đỗ Gia Hân	84	
12	10A04.12	Võ Nhật Khánh Hân	89	
13	10A04.13	Trần Ngọc Hậu	630	
14	10A04.14	Lê Huy Hoàng	346	
15	10A04.15	Lê Phúc Gia Huy	509	
16	10A04.16	Nguyễn Quốc Huy	111	
17	10A04.17	Đoàn Thị Khánh Huyền	510	
18	10A04.18	Trần Đỗ Gia Khang	122	
19	10A04.19	Hoàng Thủy Đan Khôi	629	
20	10A04.20	Nguyễn Hoàng Hải Kỳ	371	
21	10A04.21	Hoàng Thị Phương Linh	378	
22	10A04.22	Trần Ngọc Linh	580	
23	10A04.23	Nguyễn Phạm Trúc Ly	153	
24	10A04.24	Lưu Kiến Minh	155	
25	10A04.25	Trần Gia Minh	162	
26	10A04.26	Đinh Thị Trà My	166	
27	10A04.27	Nguyễn Thụy Hà My	167	
28	10A04.28	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	413	
29	10A04.29	Nguyễn Thảo Nguyên	194	
30	10A04.30	Nguyễn Thái Phong	665	
31	10A04.31	Trần Xuân Phú	211	
32	10A04.32	Nguyễn Đình Phúc	423	
33	10A04.33	Kiều Thị Hà Phương	426	
34	10A04.34	Phạm Tường Anh Quân	221	
35	10A04.35	Thái Việt Sang	229	
36	10A04.36	Đặng Hoàng Thái Sơn	230	
37	10A04.37	Mã Lương Duy Thái	237	
38	10A04.38	Mai Thanh Thảo	450	
39	10A04.39	Huỳnh Phúc Thịnh	242	
40	10A04.40	Ngô Trần Đức Triệu	705	
41	10A04.41	Đỗ Hoàng Tuấn	267	
42	10A04.42	Nguyễn Hoàng Xuân Tùng	482	
43	10A04.43	Nguyễn Thị Thanh Vân	271	
44	10A04.44	Nguyễn Trần Quang Vinh	691	
45	10A04.45	Hỷ Võ Thành Vy	275	
46	10A04.46	Trần Thị Hải Yên	633	
47	10A04.47			
48	10A04.48			
49	10A04.49			
50	10A04.50			

46 Danh sách có: 46 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A5

STT	Mã số	Họ và	Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A05.01	Cao Thanh	An	602	
2	10A05.02	Trần Thị Thúy	An	19	
3	10A05.03	Đặng Huỳnh Vân	Anh	24	
4	10A05.04	Nguyễn Lợi Vân	Anh	32	
5	10A05.05	Vũ Đức	Anh	311	
6	10A05.06	Trần Gia	Bảo	47	
7	10A05.07	Nguyễn Hữu Phú	Bình	52	
8	10A05.08	Phan Thiện Minh	Châu	502	
9	10A05.09	Phạm Việt	Dũng	505	
10	10A05.10	Phạm Toàn Ngọc	Duy	79	
11	10A05.11	Đỗ Thành	Đạt	503	
12	10A05.12	Dương Hoàng Hồng	Đức	69	
13	10A05.13	Nguyễn Ngọc	Hân	85	
14	10A05.14	Nguyễn Minh	Hằng	572	
15	10A05.15	Trần Đức	Hòa	573	
16	10A05.16	Nguyễn Duy	Hoàng	347	
17	10A05.17	Mai Nguyễn Hoàng	Huy	106	
18	10A05.18	Trần Văn	Huy	114	
19	10A05.19	Ngô Minh Phúc	Khang	118	
20	10A05.20	Nguyễn Anh	Khoa	364	
21	10A05.21	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	646	
22	10A05.22	Nguyễn Quốc Hồng	Kỳ	372	
23	10A05.23	Nguyễn Khánh	Linh	379	
24	10A05.24	Phạm Tâm	Long	514	
25	10A05.25	Đặng Trí	Minh	394	
26	10A05.26	Nguyễn Quang	Minh	158	
27	10A05.27	Lê Thảo	My	398	
28	10A05.28	Cao Lê Hàn	Na	168	
29	10A05.29	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	179	
30	10A05.30	Lê Trọng	Nghĩa	182	
31	10A05.31	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	186	
32	10A05.32	Bùi	Nguyễn	711	Tuyển thẳng
33	10A05.33	Lưu Quỳnh Phương	Nhi	417	
34	10A05.34	Nguyễn Hồ Uyên	Như	200	
35	10A05.35	Lê Minh	Phú	667	
36	10A05.36	Nguyễn Kim	Phụng	668	
37	10A05.37	Ngô Cao Anh	Quân	220	
38	10A05.38	Lâm Đức	Quang	431	
39	10A05.39	Trần Đại	Thành	626	
40	10A05.40	Trịnh Thị Thu	Thảo	454	
41	10A05.41	Đỗ Thị Thanh	Thúy	249	
42	10A05.42	Trần Thị Thu	Trang	260	
43	10A05.43	Võ Hiền Diễm	Trinh	263	
44	10A05.44	Lê Văn Anh	Tú	534	
45	10A05.45	Lê Anh	Tuấn	268	
46	10A05.46	Nguyễn Tường	Vân	487	
47	10A05.47	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	276	
48	10A05.48				
49	10A05.49				
50	10A05.50				

47 Danh sách có: 47 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A6

STT	Mã số	Họ và	Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A06.01	Lương Ngọc Thùy	An	18	
2	10A06.02	Bạch Thị Quỳnh	Anh	498	
3	10A06.03	Nguyễn Hoàng	Anh	499	
4	10A06.04	Nguyễn Xuân	Anh	39	
5	10A06.05	Lâm Gia	Bảo	44	
6	10A06.06	Nguyễn Hồng Ngọc	Bích	51	
7	10A06.07	Nguyễn Trung	Cang	501	
8	10A06.08	Lê Hoàng Bảo	Châu	638	
9	10A06.09	Phạm Văn	Chí	59	
10	10A06.10	Trương Đức	Dũng	73	
11	10A06.11	Phan Nguyễn Thành	Đạt	708	Tuyển thẳng
12	10A06.12	Vũ Huỳnh	Đức	327	
13	10A06.13	Phùng Thanh	Hà	571	
14	10A06.14	Phạm Hoàng Gia	Hân	88	
15	10A06.15	Nguyễn Cẩm	Hào	710	Tuyển thẳng
16	10A06.16	Nguyễn Xuân	Hoan	643	
17	10A06.17	Nguyễn Vũ	Hùng	507	
18	10A06.18	Nguyễn Đức	Huy	108	
19	10A06.19	Bùi Thị Minh	Huyền	543	
20	10A06.20	Tạ Hoàng Bảo	Khang	360	
21	10A06.21	Phạm Đăng	Khoa	127	
22	10A06.22	Trần Long	Khương	367	
23	10A06.23	Hoàng Nguyễn Thùy	Linh	6	
24	10A06.24	Thân Nguyễn Thùy	Linh	381	
25	10A06.25	Bùi Hữu	Luân	150	
26	10A06.26	Lê Quang	Minh	7	
27	10A06.27	Trần Quốc	Minh	163	
28	10A06.28	Nguyễn Khánh	My	399	
29	10A06.29	Phạm Quốc	Nam	581	
30	10A06.30	Ngô Thụy Thúy	Nga	172	
31	10A06.31	Trần Hiếu	Ngân	180	
32	10A06.32	Tổng Hiếu	Nghi	181	
33	10A06.33	Lê Trần Bảo	Ngọc	412	
34	10A06.34	Đặng Văn Khai	Nguyên	192	
35	10A06.35	Lê Thái Thành	Nhân	9	
36	10A06.36	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	419	
37	10A06.37	Huỳnh Ngọc Ái	Phương	215	
38	10A06.38	Nguyễn Minh	Quân	525	
39	10A06.39	Lương Đình	Quang	224	
40	10A06.40	Mai Hữu	Tài	439	
41	10A06.41	Vũ Tiến	Thành	447	
42	10A06.42	Lê Anh	Thư	460	
43	10A06.43	Nguyễn Nhã	Thy	250	
44	10A06.44	Lê Thị Ngọc	Trâm	681	
45	10A06.45	Vương Lam	Trúc	477	
46	10A06.46	Nguyễn Bá Anh	Tú	535	
47	10A06.47	Võ Ngọc Phương	Vy	537	
48	10A06.48				
49	10A06.49				
50	10A06.50				

47 Danh sách có: 47 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A7

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A07.01	Nguyễn Thị Tú	Anh	303
2	10A07.02	Nguyễn Võ Thủy	Chúc	631
3	10A07.03	Nguyễn Thị Phương	Duyên	641
4	10A07.04	Trần Hải	Đặng	688
5	10A07.05	Dương	Đạt	504
6	10A07.06	Nguyễn Ngọc	Hà	83
7	10A07.07	Nguyễn Huy	Hoàng	349
8	10A07.08	Bồ Đăng	Huy	350
9	10A07.09	Hoàng Quốc	Huy	105
10	10A07.10	Phạm Hải	Huy	356
11	10A07.11	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	575
12	10A07.12	Trần Thanh	Huyền	611
13	10A07.13	Nguyễn Đình	Khang	697
14	10A07.14	Lê Quang	Khánh	512
15	10A07.15	Huỳnh Vũ	Lâm	373
16	10A07.16	Lê Nguyễn Khánh	Linh	701
17	10A07.17	Quản Thị Thủy	Linh	579
18	10A07.18	Vũ Nguyễn Văn	Linh	385
19	10A07.19	Phạm Ngọc Thành	Long	702
20	10A07.20	Tô Nhật	Minh	160
21	10A07.21	Võ Hoàng	Minh	165
22	10A07.22	Lê Đại	Nam	614
23	10A07.23	Vũ Hoàng	Nam	406
24	10A07.24	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	582
25	10A07.25	Đoàn Nguyễn Yên	Nhi	660
26	10A07.26	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	198
27	10A07.27	Trần Thị Phương	Oanh	664
28	10A07.28	Nguyễn Cao	Phong	586
29	10A07.29	Trần Thanh	Phong	666
30	10A07.30	Nguyễn Lâm Hoàng	Phúc	632
31	10A07.31	Trương Nguyễn Minh	Quân	430
32	10A07.32	Lê Thảo	Quỳnh	12
33	10A07.33	Nguyễn Như	Quỳnh	226
34	10A07.34	Nguyễn Hoàng	Sa	436
35	10A07.35	Nguyễn Hữu Nam	Sơn	231
36	10A07.36	Lê Thanh	Tâm	442
37	10A07.37	Nguyễn Thanh	Tâm	233
38	10A07.38	Đoàn Đại Nhật	Tân	592
39	10A07.39	Vũ Khiếu An	Thái	444
40	10A07.40	Trần Phúc	Thịnh	458
41	10A07.41	Vũ Thị Minh	Thư	678
42	10A07.42	Phạm Minh	Thuận	248
43	10A07.43	Tạ Minh	Toàn	530
44	10A07.44	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trang	14
45	10A07.45	Nguyễn Ngọc Mai	Trang	258
46	10A07.46	Hoàng Văn	Tú	481
47	10A07.47			
48	10A07.48			
49	10A07.49			
50	10A07.50			

46 Danh sách có: 46 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A8

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A08.01	Nguyễn Hữu An	282	
2	10A08.02	Vũ Trường An	287	
3	10A08.03	Hoàng Minh Anh	295	
4	10A08.04	Lê Đình Thế Anh	296	
5	10A08.05	Nguyễn Quang Anh	34	
6	10A08.06	Phạm Trâm Anh	563	
7	10A08.07	Trương Quang Anh	564	
8	10A08.08	Trương Nguyệt Ánh	3	
9	10A08.09	Phạm Nguyễn Gia Bảo	699	
10	10A08.10	Nguyễn Tuấn Dũng	690	
11	10A08.11	Huỳnh Thị Thùy Dương	540	
12	10A08.12	Lư Vũ Thùy Dương	330	
13	10A08.13	Nguyễn Huy Hải Đăng	63	
14	10A08.14	Trần Anh Đạt	321	
15	10A08.15	Lê Văn Đức	640	
16	10A08.16	Trần Minh Hiền	92	
17	10A08.17	Nguyễn Tuấn Hưng	101	
18	10A08.18	Nguyễn Việt Hưng	102	
19	10A08.19	Ngô Đình Gia Huy	107	
20	10A08.20	Nguyễn Ngọc Mai Khanh	576	
21	10A08.21	Lê Gia Khiêm	362	
22	10A08.22	Trần Ngọc Lâm	132	
23	10A08.23	Nguyễn Ngọc Ánh Linh	380	
24	10A08.24	Lê Trọng Nam	405	
25	10A08.25	Nguyễn Ngọc Hoàng Nam	169	
26	10A08.26	Võ Thị Ngọc Nga	174	
27	10A08.27	Nguyễn Thị Thúy Ngân	655	
28	10A08.28	Trần Vũ Thảo Nguyên	585	
29	10A08.29	Đào Quỳnh Nhi	197	
30	10A08.30	Nguyễn Thiên Phúc	425	
31	10A08.31	Nguyễn Thị Minh Phương	669	
32	10A08.32	Lê Nguyễn Lệ Quyên	590	
33	10A08.33	Nguyễn Quốc Sang	671	
34	10A08.34	Trần Bảo Tài	441	
35	10A08.35	Nguyễn Đức Thái	672	
36	10A08.36	Đặng Minh Thông	676	
37	10A08.37	Hà Huỳnh Nhật Thông	677	
38	10A08.38	Nguyễn Anh Thư	619	
39	10A08.39	Nguyễn Khánh Toàn	556	
40	10A08.40	Nguyễn Đức Trọng	621	
41	10A08.41	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	475	
42	10A08.42	Nguyễn Ngọc Bảo Trúc	476	
43	10A08.43	Đinh Mạnh Tuấn	622	
44	10A08.44	Phạm Huỳnh Bích Tuyền	599	
45	10A08.45	Đinh Anh Việt	703	
46	10A08.46	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	685	
47	10A08.47	Trần Thanh Xuân	495	
48	10A08.48			
49	10A08.49			
50	10A08.50			

47 Danh sách có: 47 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A9

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A09.01	Hà Thanh An	17	
2	10A09.02	Hoàng Đình Khánh Ân	288	
3	10A09.03	Đào Tuấn Anh	25	
4	10A09.04	Lê Đức Anh	29	
5	10A09.05	Nguyễn Quốc Thục Anh	35	
6	10A09.06	Phạm Minh Anh	306	
7	10A09.07	Đậu Gia Bảo	313	
8	10A09.08	Vũ Chí Bảo	315	
9	10A09.09	Bùi Phụng Châu	56	
10	10A09.10	Lê Công Chiến	60	
11	10A09.11	Vũ Ngọc Ánh Dương	75	
12	10A09.12	Đinh Thị Mỹ Duyên	80	
13	10A09.13	Trần Quang Đạt	568	
14	10A09.14	Lê Trần Trung Đức	569	
15	10A09.15	Nguyễn Trung Hiếu	95	
16	10A09.16	Nguyễn Lê Vĩnh Hưng	100	
17	10A09.17	Nguyễn Gia Huy	355	
18	10A09.18	Phan Văn Khải	359	
19	10A09.19	Đinh Gia Khánh	124	
20	10A09.20	Võ Minh Khoa	128	
21	10A09.21	Phạm Quỳnh Tuyết Lê	134	
22	10A09.22	Hoàng Phương Linh	377	
23	10A09.23	Nguyễn Phương Linh	142	
24	10A09.24	Phan Hà Bảo Long	650	
25	10A09.25	Tôn Nguyễn Sao Mai	392	
26	10A09.26	Phí Ngọc Minh	159	
27	10A09.27	Lê Hoài Nam	404	
28	10A09.28	Hoàng Kim Ngân	408	
29	10A09.29	Nguyễn Bảo Ngọc	584	
30	10A09.30	Nguyễn Hữu Nhân	196	
31	10A09.31	Võ Trương Phương Nhi	11	
32	10A09.32	Hoàng Lê Hồng Nhung	202	
33	10A09.33	Đặng Hồ Đại Phú	210	
34	10A09.34	Nguyễn Thị Hồng Phương	523	
35	10A09.35	Hồ Thị Mỹ Quyên	434	
36	10A09.36	Vũ Bá Thiện Tâm	443	
37	10A09.37	Đào Trọng Quốc Thành	445	
38	10A09.38	Nguyễn Thị Thanh Thảo	452	
39	10A09.39	Nguyễn Trường Thịnh	243	
40	10A09.40	Lê Kim Thoa	675	
41	10A09.41	Vũ Trần Thanh Thúy	463	
42	10A09.42	Lê Hoàng Tiến	467	
43	10A09.43	Huỳnh Trần Bảo Trân	257	
44	10A09.44	Võ Nhật Trường	265	
45	10A09.45	Vũ Thị Bảo Uyên	485	
46	10A09.46	Nguyễn Hoàng Vinh	490	
47	10A09.47	Nguyễn Như Ý	279	
48	10A09.48			
49	10A09.49			
50	10A09.50			

47 Danh sách có: 47 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A10

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A10.01	Hoàng An	280	
2	10A10.02	Lê Đỗ Thiên Ân	20	
3	10A10.03	Đỗ Trần Tâm Anh	26	
4	10A10.04	Ngô Ngọc Anh	30	
5	10A10.05	Nguyễn Thị Minh Anh	302	
6	10A10.06	Phạm Thị Lan Anh	307	
7	10A10.07	Nguyễn Gia Bảo	46	
8	10A10.08	Vũ Hoàng Gia Bảo	566	
9	10A10.09	Trần Huỳnh Ngọc Châu	57	
10	10A10.10	Lê Mỹ Cường	319	
11	10A10.11	Nguyễn Thế Dũng	608	
12	10A10.12	Vũ Trần Thành Dương	76	
13	10A10.13	Vương Thục Đoan	323	
14	10A10.14	Nguyễn Minh Đức	607	
15	10A10.15	Nguyễn Hoàng Hải	340	
16	10A10.16	Nguyễn Tân Huy Hoàng	4	
17	10A10.17	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hương	103	
18	10A10.18	Nguyễn Minh Huy	109	
19	10A10.19	Đào Gia Khang	511	
20	10A10.20	Hồ Huy Khánh	125	
21	10A10.21	Huỳnh Nhật Kiên	368	
22	10A10.22	Bùi Hoàng Hồng Linh	612	
23	10A10.23	Lê Ái Linh	139	
24	10A10.24	Trần Diệu Linh	144	
25	10A10.25	Trần Đức Lương	151	
26	10A10.26	Phạm Duy Mạnh	393	
27	10A10.27	Trần Anh Minh	161	
28	10A10.28	Trần Thành Nam	170	
29	10A10.29	Nguyễn Đoàn Kim Ngân	178	
30	10A10.30	Nguyễn Kim Như Ngọc	185	
31	10A10.31	Nguyễn Trần Trung Nhân	519	
32	10A10.32	Vũ Thị Yên Nhi	545	
33	10A10.33	Nguyễn Lộc Phát	205	
34	10A10.34	Nguyễn Gia Phúc	424	
35	10A10.35	Bao Gia Hoàng Quân	219	
36	10A10.36	Hoàng Sơn	437	
37	10A10.37	Trần Trọng Tân	236	
38	10A10.38	Nguyễn Xuân Thành	446	
39	10A10.39	Tạ Phương Thảo	618	
40	10A10.40	Trần Quang Thịnh	674	
41	10A10.41	Nguyễn Lê Anh Thy	620	
42	10A10.42	Lê Bá Toàn	680	
43	10A10.43	Nguyễn Đặng Mai Trang	682	
44	10A10.44	Phạm Thị Thanh Trúc	698	
45	10A10.45	Đỗ Minh Tú	533	
46	10A10.46	Lê Nguyễn Thùy Vân	486	
47	10A10.47	Cao Thảo Vy	272	
48	10A10.48	Tăng Đặng Hải Yến	497	
49	10A10.49			
50	10A10.50			

48 Danh sách có: 48 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A11

STT	Mã số	Họ và	Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A11.01	Lê Hoài Thái	An	281	
2	10A11.02	Bùi Nguyễn Quỳnh	Anh	290	
3	10A11.03	Dương Nguyễn Tuấn	Anh	561	
4	10A11.04	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	538	
5	10A11.05	Nguyễn Việt	Anh	38	
6	10A11.06	Trần Kiều Phương	Anh	309	
7	10A11.07	Nguyễn Lê Gia	Bảo	314	
8	10A11.08	Cao Ngọc	Bích	316	
9	10A11.09	Trần Ngọc	Châu	687	
10	10A11.10	Vũ Mạnh	Cường	605	
11	10A11.11	Lê Doãn Trí	Dũng	72	
12	10A11.12	Lê Nguyễn Minh	Duy	506	
13	10A11.13	Lê Chí	Đoàn	68	
14	10A11.14	Nguyễn Tấn	Đức	70	
15	10A11.15	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	343	
16	10A11.16	Phan Vũ	Hoàng	97	
17	10A11.17	Lại Minh	Huy	351	
18	10A11.18	Nguyễn Nhật	Huy	110	
19	10A11.19	Nguyễn Chánh	Khang	119	
20	10A11.20	Nguyễn Lương Ngọc	Khánh	361	
21	10A11.21	Nguyễn Trung	Kiên	370	
22	10A11.22	Đặng Lê Hoài	Linh	648	
23	10A11.23	Lê Hoàng	Linh	140	
24	10A11.24	Trần Kiều Phương	Linh	383	
25	10A11.25	Đinh Thị Ngọc	Luyến	515	
26	10A11.26	Đỗ Quang	Minh	627	
27	10A11.27	Từ Bảo	Minh	164	
28	10A11.28	Phạm Phương	Nga	173	
29	10A11.29	Tăng Mỹ	Ngân	517	
30	10A11.30	Trần Khánh	Ngọc	191	
31	10A11.31	Cao Trần Yên	Nhi	658	
32	10A11.32	Nguyễn Quỳnh	Như	420	
33	10A11.33	Võ Hoàng Minh	Phát	207	
34	10A11.34	Trương Đại	Phúc	212	
35	10A11.35	Trần Nguyễn Anh	Quân	429	
36	10A11.36	Lê Đức	Tài	438	
37	10A11.37	Lê Đức	Thắng	594	
38	10A11.38	Hà Lâm Thanh	Thảo	617	
39	10A11.39	Trần Ngọc Bảo	Thi	673	
40	10A11.40	Trần Quang	Thịnh	244	
41	10A11.41	Trần Anh	Thy	465	
42	10A11.42	Nguyễn Phan Quỳnh	Trâm	532	
43	10A11.43	Hồ Minh	Trí	261	
44	10A11.44	Hoàng Lê	Trung	264	
45	10A11.45	Đặng Hồ	Tuân	16	
46	10A11.46	Nguyễn Hoàng	Vân	270	
47	10A11.47	Lê Nguyễn Tường	Vy	547	
48	10A11.48				
49	10A11.49				
50	10A11.50				

47 Danh sách có: 47 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A12

STT	Mã số	Họ và Tên	Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A12.01	Lê Võ Thanh	An	558	
2	10A12.02	Bùi Nguyễn Trâm	Anh	291	
3	10A12.03	Dương Quỳnh	Anh	28	
4	10A12.04	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	33	
5	10A12.05	Nguyễn Vũ Minh	Anh	304	
6	10A12.06	Phạm Xuân	Bằng	43	
7	10A12.07	Trần Thái Gia	Bảo	48	
8	10A12.08	Nguyễn Võ Ngọc	Bích	317	
9	10A12.09	Võ Minh Bảo	Châu	639	
10	10A12.10	Vũ Tiến	Dũng	329	
11	10A12.11	Phạm Đức	Duy	333	
12	10A12.12	Nguyễn Phạm Anh	Đăng	64	
13	10A12.13	Nguyễn Minh	Đông	324	
14	10A12.14	Phạm Minh	Đức	326	
15	10A12.15	Phan Ngọc Khánh	Hằng	90	
16	10A12.16	Trần Huy	Hoàng	98	
17	10A12.17	Lại Vũ Quang	Huy	352	
18	10A12.18	Phạm Việt	Huy	610	
19	10A12.19	Nguyễn Khánh Gia	Khang	120	
20	10A12.20	Trần Minh	Khánh	126	
21	10A12.21	Nguyễn Tuấn	Kiệt	129	
22	10A12.22	Đặng Thùy	Linh	136	
23	10A12.23	Ngô Phương	Linh	578	
24	10A12.24	Trương Nguyễn Thảo	Linh	384	
25	10A12.25	Đinh Huỳnh Khánh	Ly	152	
26	10A12.26	Lê	Minh	516	
27	10A12.27	Nguyễn Võ Trà	My	400	
28	10A12.28	Đặng Bùi Tuyết	Ngân	407	
29	10A12.29	Trương Thị Kiều	Ngân	583	
30	10A12.30	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	195	
31	10A12.31	Hoàng Thị Yên	Nhi	661	
32	10A12.32	Nguyễn Quỳnh	Như	421	
33	10A12.33	Lê Thế	Phong	208	
34	10A12.34	Trần Thịnh	Phước	522	
35	10A12.35	Trịnh Minh	Quân	526	
36	10A12.36	Nguyễn Đăng Tấn	Tài	440	
37	10A12.37	Nguyễn Phước	Thắng	238	
38	10A12.38	Nguyễn Đào Phương	Thảo	451	
39	10A12.39	Bùi Minh	Thiện	456	
40	10A12.40	Lê Thủy	Tiên	466	
41	10A12.41	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	689	
42	10A12.42	Nguyễn Đức	Trí	474	
43	10A12.43	Nguyễn Minh	Triết	262	
44	10A12.44	Diệp Lâm	Trường	478	
45	10A12.45	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	484	
46	10A12.46	Huỳnh Tấn	Việt	489	
47	10A12.47	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	686	
48	10A12.48				
49	10A12.49				
50	10A12.50				

47 Danh sách có: 47 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A13

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A13.01	Phạm Ngọc Hoài An	285	
2	10A13.02	Cao Hồ Tuấn Anh	23	
3	10A13.03	Giang Thùy Anh	704	
4	10A13.04	Nguyễn Ngọc Phương Anh	299	
5	10A13.05	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	305	
6	10A13.06	Cao Thanh Bảo	312	
7	10A13.07	Võ Quốc Bảo	50	
8	10A13.08	Đỗ Gia Bình	539	
9	10A13.09	Trần Diệp Chi	567	
10	10A13.10	Võ Tiến Danh	65	
11	10A13.11	Đặng Anh Dũng	328	
12	10A13.12	Đỗ Nam Dương	74	
13	10A13.13	Trần Kim Bảo Duy	335	
14	10A13.14	Bùi Tín Đức	325	
15	10A13.15	Trịnh Phương Hiền	609	
16	10A13.16	Lê Đăng Hưng	574	
17	10A13.17	Lê Văn Long Huy	353	
18	10A13.18	Võ Minh Huy	115	
19	10A13.19	Nguyễn Phúc An Khang	5	
20	10A13.20	Trần Vũ An Khiêm	363	
21	10A13.21	Nguyễn Ngọc Hoàng Kim	550	
22	10A13.22	Đào Tổng Khánh Linh	137	
23	10A13.23	Nguyễn Khánh Linh	141	
24	10A13.24	Nguyễn Hoàng Long	147	
25	10A13.25	Phạm Khánh Ly	154	
26	10A13.26	Nguyễn Hoàng Minh	396	
27	10A13.27	Đỗ Hoàng Nam	651	
28	10A13.28	Đoàn Thị Kim Ngân	654	
29	10A13.29	Trương Thị Thanh Ngân	615	
30	10A13.30	Nguyễn Ngọc Hoàng Nguyễn	616	
31	10A13.31	Nguyễn Thị Yên Nhi	663	
32	10A13.32	Vũ Phan Quỳnh Như	520	
33	10A13.33	Phan Nguyễn Thế Phong	209	
34	10A13.34	Bùi Trương Lan Phương	214	
35	10A13.35	Cao Nhật Quang	223	
36	10A13.36	Nguyễn Văn Tài	232	
37	10A13.37	Đoàn Minh Nhật Thanh	239	
38	10A13.38	Nguyễn Hoàng Như Thảo	240	
39	10A13.39	Võ Ngọc Thiện	457	
40	10A13.40	Phạm Vũ Minh Thư	247	
41	10A13.41	Đặng Quốc Nam Tiến	252	
42	10A13.42	Trương Thị Ngọc Trâm	470	
43	10A13.43	Nguyễn Hữu Trí	15	
44	10A13.44	Trần Xuân Trường	480	
45	10A13.45	Nguyễn Phương Uyên	684	
46	10A13.46	Nguyễn Hữu Việt	624	
47	10A13.47	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	277	
48	10A13.48			
49	10A13.49			
50	10A13.50			

47 Danh sách có: 47 học sinh

Người lập danh sách

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A14

STT	Mã số	Họ và Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A14.01	Nguyễn Hồng An	1	
2	10A14.02	Vũ Kiều An	286	
3	10A14.03	Lê Lan Anh	297	
4	10A14.04	Phạm Đức Anh	40	
5	10A14.05	Phạm Gia Bảo	565	
6	10A14.06	Lâm Anh Hồng Đăng	606	
7	10A14.07	Nguyễn Phan Tiến Đạt	66	
8	10A14.08	Trần Thị Khánh Hà	338	
9	10A14.09	Nguyễn Ngọc Thanh Hải	541	
10	10A14.10	Phạm Dương Gia Hân	87	
11	10A14.11	Nguyễn Huy Hoàng	348	
12	10A14.12	Thái Nguyễn Quỳnh Hương	104	
13	10A14.13	Trần Đỗ Bảo Khang	121	
14	10A14.14	Nguyễn Đình Khôi	365	
15	10A14.15	Đặng Minh Khuê	366	
16	10A14.16	Nguyễn Trung Kiên	369	
17	10A14.17	Phan Hồng Liễu	374	
18	10A14.18	Trương Nguyễn Hà Linh	649	
19	10A14.19	Vũ Thành Long	387	
20	10A14.20	Lê Quang Minh	395	
21	10A14.21	Nguyễn Hồ Minh	156	
22	10A14.22	Nguyễn Lê Kha Minh	397	
23	10A14.23	Bùi Thanh Mỹ	403	
24	10A14.24	Trịnh Việt Nam	8	
25	10A14.25	Nguyễn Thị Thúy Nga	652	
26	10A14.26	Lê Ngọc Kim Ngân	177	
27	10A14.27	Lê Thị Minh Ngọc	183	
28	10A14.28	Nguyễn Khánh Phương Nguyên	193	
29	10A14.29	Hồ Lam Ý Nhi	416	
30	10A14.30	Dương Lê Hồng Ni	203	
31	10A14.31	Trần Huy Gia Phát	206	
32	10A14.32	Phan Mai Phương	589	
33	10A14.33	Nguyễn Quang	432	
34	10A14.34	Lê Bảo Quyên	225	
35	10A14.35	Lâm Hải Quỳnh	435	
36	10A14.36	Võ Thị Bích Tâm	528	
37	10A14.37	Phạm Hồng Thái	700	
38	10A14.38	Nguyễn Gia Bảo Thi	455	
39	10A14.39	Nguyễn Hoàng Thịnh	596	
40	10A14.40	Phan Hoài Thu	459	
41	10A14.41	Nguyễn Năng Song Toàn	254	
42	10A14.42	Hồ Quỳnh Trâm	468	
43	10A14.43	Nguyễn Thanh Ngọc Trâm	469	
44	10A14.44	Nguyễn Thùy Trang	598	
45	10A14.45	Lê Kim Trường	479	
46	10A14.46	Ngô Huỳnh Ngọc Tú	266	
47	10A14.47	Lê Hùng Vĩ	488	
48	10A14.48	Tạ Đình Thiên Ý	496	
49	10A14.49			
50	10A14.50			

48 Danh sách có: 48 học sinh

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A15

STT	Mã số	Họ và	Tên	TTTT	Ghi chú
1	10A15.01	Lê Hải	An	557	
2	10A15.02	Nguyễn Thị Mỹ	An	284	
3	10A15.03	Vũ Ngọc	Ấn	560	
4	10A15.04	Dương Minh	Anh	27	
5	10A15.05	Nguyễn Thị Mai	Anh	36	
6	10A15.06	Nguyễn Thị Vân	Anh	37	
7	10A15.07	Trần Đoàn Kỳ	Anh	706	Tuyển thẳng
8	10A15.08	Trần Hoàng Minh	Chính	318	
9	10A15.09	Nguyễn Ngọc Ánh	Dương	331	
10	10A15.10	Dương Ngọc Vũ	Duy	77	
11	10A15.11	Trần Thị Thành	Đạt	322	
12	10A15.12	Đặng Đức	Hải	339	
13	10A15.13	Nguyễn Như Phương	Hiếu	93	
14	10A15.14	Nguyễn Trung	Hiếu	709	Tuyển thẳng
15	10A15.15	Phạm Trung	Hiếu	96	
16	10A15.16	Nguyễn Quốc	Huy	112	
17	10A15.17	Nguyễn Đăng	Kháng	123	
18	10A15.18	Trần Anh	Kiệt	513	
19	10A15.19	Nông Trường	Lâm	551	
20	10A15.20	Nguyễn Ngọc Kim	Long	148	
21	10A15.21	Phạm Minh	Long	149	
22	10A15.22	Nguyễn Thị	Mai	390	
23	10A15.23	Phạm Quốc	Minh	707	Tuyển thẳng
24	10A15.24	Phan Trà	My	613	
25	10A15.25	Phạm Thành	Nam	552	
26	10A15.26	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	188	
27	10A15.27	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	10	
28	10A15.28	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	201	
29	10A15.29	Bùi Tấn	Phát	204	
30	10A15.30	Nguyễn Thanh	Phát	521	
31	10A15.31	Lê Đức	Phong	422	
32	10A15.32	Hồ Ngọc Thiên	Phúc	694	
33	10A15.33	Nguyễn Trần Hữu	Phúc	553	
34	10A15.34	Phạm Ngọc Thảo	Phương	218	
35	10A15.35	Trần Đông	Quân	222	
36	10A15.36	Nguyễn Đăng Trường	Sa	228	
37	10A15.37	Phan Tấn	Sang	712	Tuyển thẳng
38	10A15.38	Nguyễn Đức	Tân	235	
39	10A15.39	Trần Quang	Thanh	555	
40	10A15.40	Trần Bảo	Thiện	241	
41	10A15.41	Nguyễn Minh	Thuận	461	
42	10A15.42	Vũ Bảo	Thy	251	
43	10A15.43	Vương	Tín	253	
44	10A15.44	Lê Ngọc Bảo	Trâm	13	
45	10A15.45	Trần Minh	Trí	546	
46	10A15.46	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	269	
47	10A15.47	Đặng Lê	Vy	491	
48	10A15.48				
49	10A15.49				
50	10A15.50				